TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2019/HSST
Ngày: 25/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Biểu.

Thẩm phán: Ông Lê Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Thường Tín;

Ông Vũ Văn Chiếm;

Bà Phạm Thị Hương Lan.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Thị Thu Hương, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Minh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 96/2018/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/HSST-QĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

*** Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974.

STQ: Thôn V, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1930 và con bà Trương Thị C, sinh năm 1930.

Gia đình có 7 anh chị em, bị can là thứ bẩy.

Vợ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975 và có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên từ ngày 12/6/2018 đến nay.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Luật sư Nguyễn Hùng Ph- Văn phòng luật sư Phúc Sơn, Đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên, (có mặt).

**** Bị hại:*** Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975, sinh trú quán: Thôn V, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên, (có mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994, trú tại: thôn V, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên, (có mặt).

**** Những người làm chứng:***

1. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1995;
2. Chị Bùi Thị Y, sinh năm 1996;
3. Bà Trương Thị C, sinh năm 1930;
4. Anh Trương Văn T, sinh năm 1994;
5. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1984;
6. Anh Nguyễn Tuấn S, sinh năm 1991.

Đều trú tại: thôn V, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên, (đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975 đều ở Thôn V, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên kết hôn năm 1992 và có hai người con là Nguyễn Thị L, sinh năm 1994, Nguyễn Anh T, sinh năm 1995. Trong quá trình sinh sống T thường xuyên sử dụng rượu bia và nhiều lần đánh, chửi chị Đ. Bị đau tuyến giáp nên ngày 03/6/2018, chị Đ phải đi khám ở Bệnh viện Ung Bướu Hà Nội tuy nhiên không nói cho T, khi biết chuyện T rất tức giận nên khoảng 22 giờ ngày 06/6/2018, T đã dùng hai tay bóp cổ chị Đ ở nhà vệ sinh, chị Đ kêu cứu thì được chị Bùi Thị Y, sinh năm 1996 *(là con dâu*) chạy ra thì T dừng lại. Sau khi xảy ra sự việc trên, ngày 07/6/2018 chị Đ làm đơn gửi đến ban Công an xã M để tố cáo T về hành vi nêu trên. Ban Công an xã đã có giấy mời T lên xã để giải quyết nhưng T không đến. Đến khoảng 19 giờ ngày 11/6/2018, anh Trần Văn K, sinh năm 1973 ở cùng thôn *(là công an viên xã M)* đến nhà T gửi giấy mời lần thứ hai, yêu cầu T phải có mặt tại trụ sở UBND xã M vào ngày 12/6/2018 để làm việc. Lúc này T đang ngồi uống bia một mình, sau khi anh K về thì T tiếp tục uống hết một cốc rượu khoảng 300ml. Trong khi uống rượu T nghĩ đến việc bị chị Đ làm đơn tố cáo gửi đến Ban Công an xã nên khoảng 21 giờ 30 phút T đi vào gian buồng ngủ của chị Y ở dãy nhà ngang để tìm chị Đ, thì thấy chị Đ đang nằm trên giường cùng với chị Y. T hỏi chị Đ "*Tình hình mẹ con mày đơn từ như thế nào cho tao biết*", chị Đ nói "*Làm đơn thế nào mặc kệ tôi*", T nói "*Giỏi nhỉ*" thì chị Đ nói "*Cái này không liên quan gì đến ông*". T rất bực tức nên đã nảy sinh ý định sẽ dùng dao chém chị Đ để giải tỏa sự bực tức trong người. T đi ra khu vực gần nhà tắm tay trái cầm 01 con dao, dạng dao phay, dài 52cm, chuôi dao bằng gỗ dài 14cm, phần rộng nhất của chuôi dao 04cm, lưỡi dao sắc bằng kim loại màu đen dài 38cm, phần rộng nhất của lưỡi dao 06cm giấu sau lưng rồi đi vào nơi chị Đ và chị Y đang nằm, lúc này chị Đ nằm ngoài quay lưng về phía T còn chị Y nằm trong. T nói với chị Đ *"Có như thế nào thì*

mày nói đi", chị Đ nói *"Không việc gì tôi phải nói với ông, việc tôi thì tôi làm*". Thấy vậy, T tiến đến sát giường, tay trái cầm dao chém một nhát theo hướng từ trên xuống dưới vào vùng vai trái chị Đ nhưng chị Y giơ tay phải ra để đỡ cho chị Đ nên bị T chém trúng cẳng tay phải, chị Y kêu to "*a*" rồi rụt tay lại, T chuyển dao từ tay trái sang tay phải, tiếp tục chém nhiều nhát vào vùng mặt, vai trái và tay chị Đ, khi bị T chém thì chị Đ nằm trên giường và giơ hai tay ra đỡ. Thấy chị Đ nằm im, T không chém nữa và mang dao ra để ở khu vực vòi nước gần nhà tắm rồi đi lên nhà trên hút thuốc, sau đó T cầm con dao vừa sử dụng, trèo qua tường nhà chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971 ở cùng thôn (*là chị gái của T)* rồi bỏ trốn ra khu vực cánh đồng chuối thuộc thôn V.

Chị Y và chị Đ được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức Hà Nội. Đến ngày 16/6/2018 chị Y được ra viện, còn chị Đ được chuyển đến Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp tiếp tục điều trị, đến ngày 26/6/2018 thì ra viện.

Ngày 12/6/2018 T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên bắt giữ đồng thời thu giữ con dao T dùng chém chị Đ, chị Y và 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen.

Kết luận giám định số 3203/C54 (TT3) ngày 19/7/2018 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát, kết luận: Không đủ cơ sở để kết luận mẫu nghi máu ghi thu tại hiện trường kí hiệu T4 có phải là máu người hay không do chất lượng mẫu kém; các mẫu nghi máu ghi thu tại hiện trường kí hiệu: T1, T2, T5 và T6 đều là máu người; trên hai 02 con dao (kí hiệu T3 và D) gửi giám định không dính máu; không phân tích được kiểu Gen từ các mẫu máu người ghi thu tại hiện trường kí hiệu T2 và T5 do chất lượng mẫu kém; mẫu máu người ghi thu tại hiện trường kí hiệu T1 là máu của Bùi Thị Y, mẫu máu người ghi thu tại hiện trường kí hiệu T6 là máu của Nguyễn Thị Đ; mảnh vải trắng (kí hiệu H) ghi do ông Nguyễn Văn H giao nộp bám dính máu người và là máu của Nguyễn Thị Đ; mảnh vải kẻ (kí hiệu H) ghi do ông Nguyễn Văn H giao nộp bám dính máu người và là máu của Bùi Thị Y.

Bản kết luận pháp y về thương tích số 94/2018TgT ngày 03/8/2018 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Hưng Yên đối với thương tích của chị Nguyễn Thị Đ, kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: 02 vết sẹo kích thước lớn, sẹo lồi lõm không đều trên bề mặt da, chạy chéo vùng mặt bên phải qua mép phải xuống môi dưới bên trái đến 1/3 giữa hàm dưới trái (sẹo vùng mặt, kích thước lớn, ảnh hưởng đến thẩm mỹ); 01 vết sẹo chéo từ bả vai trái xuống lưng trái có màu hồng nhạt, bờ mép gọn, kích thước (13 x 0,3)cm (sẹo kích thước lớn); 01 vết sẹo chéo mu bàn tay vòng qua cổ tay chạy dọc ô mô cái, một nhánh nối từ mặt trong gốc bàn tay tới giữa gan bàn tay, sẹo màu thâm, lồi lõm không đều trên bề mặt da, bờ mép gọn, kích thước chỗ dài rộng nhất (20 x 3)cm (sẹo kích thước lớn ảnh hưởng đến thẩm mỹ); đứt hoàn toàn khối gân gấp và bó mạch thần kinh trụ, thần kinh giữa; đứt hoàn toàn gân duỗi chung các ngón, duỗi riêng ngón V, duỗi cổ tay trụ, duỗi cổ tay quay ngắn; bàn tay phải còn sưng nề, mất gấp duỗi hoàn toàn các ngón bàn tay phải, tê bì và giảm cảm giác các ngón bàn tay phải; cứng khớp cổ bàn tay phải; vận động cổ bàn tay phải hạn chế nhiều;

mất răng số 6, số 7 (hàm dưới bên phải); gẫy một phần thân răng số 1, số 2 và mất răng số 3 (hàm dưới bên trái); vỡ thân xương hàm dưới bên trái, không ảnh hưởng đến chức năng ăn nhai; vỡ bờ dưới xương bả vai trái, không ảnh hưởng đến vận động; đứt rời khối xương cổ tay phải dọc theo vết thương, còn dụng cụ kết hợp xương; lưỡi không còn dấu vết thương tích trong vụ việc trên để lại; các vị trí khác trên cở thể không được mô tả trong bệnh án khi điều trị. Vì vậy, không có căn cứ làm cơ sở áp dụng khi giám định.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 69%. Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc gây nên.

Kết luận giám định pháp y tâm thần số 404/KLGĐ ngày 29/11/2018 của Viện pháp y tâm thần Trung ương - Bộ Y tế, kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Nguyễn Văn T có biểu hiện hội chứng nghiện rượu. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F10.2.

Tại các thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình cấp cứu và điều trị, chị Nguyễn Thị Đ và chị Bùi Thị Y kê khai hết số tiền 43.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị L (*là con gái của bị cáo T)* đã tự nguyện trả số tiền trên. Chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị L và chị Bùi Thị Y đều không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 82/QĐ-VKS-P2 ngày 19/10/2017, Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố Nguyễn Văn T về tội Giết người, theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí tội danh và điểm khoản điều luật truy tố, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữa bị cáo và bị hại là vợ chồng, trong quan hệ gia đình có những bức xúc và bị cáo phạm tội chưa đạt để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố hành vi phạm tội của bị cáo theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Giết người; Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38; Điều 57 Bộ

luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 08 đến 09 năm tù, tính từ ngày 12/6/2018; Về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết; Về biện pháp tư pháp: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các vết thương vùng mặt, vai trái và tay của chị Đ, phù hợp khách quan với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản khám nghiệm, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; Bệnh án; kết luận giám định thương tích đối với chị Nguyễn Thị Đ, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây lên là 69%. Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc. Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Do bực tức việc chị Đ đi khám bệnh mà không nói cho T biết và việc chị Đ làm đơn gửi Ban Công an xã M tố cáo hành vi bị cáo chửi, bóp cổ chị Đ nên khoảng 21 giờ 30 phút ngày 11/6/2018 tại nhà của mình ở Thôn V, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên Nguyễn Văn T đã dùng dao phay chém nhiều nhát vào vùng mặt bên phải, bả vai trái và mu bàn tay phải của chị Đ gây thương tích cho chị Đ 69% sức khỏe. Bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm đến cùng, sau khi dùng tay trái chém vào vị trí vai chị Đ thì chị Y đỡ hộ mẹ nên chị Y bị chém trúng cẳng tay phải, không dừng lại ở đó Nguyễn Văn T đã chuyển dao sang tay phải tiếp tục chém nhiều nhát vào vùng mặt, vai trái và tay chị Đ, chỉ khi chị Đ nằm im thì T mới dừng, bị cáo cố ý tấn công vào những vùng nguy hiểm trên cơ thể của chị Đ thể hiện ý thức nhằm tước đoạt tính mạng của chị Đ, việc chị Đ không bị chết là ngoài ý thức chủ quan của bị cáo.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi cầm dao phay chém nhiều nhát vào cơ thể chị Đ như trên đã đủ yếu tố cấu thành tội Giết người theo Điều 123 Bộ luật hình sự. Giữa bị cáo và bị hại là vợ chồng, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt với vợ mình bị cáo đã gây hấn, dùng dao phay lưỡi dao sắc là vật dụng có tính sát thương cao chém nhiều nhát vào những vùng xung yếu trên cơ thể chị Đ, thể hiện sự côn đồ, hung hãn, coi thường pháp luật. Nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo về tội Giết người, với tình tiết tăng

nặng định khung hình phạt là "*Có tính chất côn đồ*" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào tội đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm sức khỏe, tính mạng của con người được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường mạng sống của người khác, gây tâm lý hoang mang, lo sợ và sự bất bình trong dư luận và gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, cần xét xử vụ án nghiêm minh, dành cho bị cáo một hình phạt thoả đáng tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, đồng thời phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và làm bài học răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L cho rằng bị cáo tác động chị bồi thường 43.000.000 đồng, tuy nhiên bị cáo xác định không tác động việc bồi thường, do đó bị cáo chỉ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, nên được áp dụng quy định tại các Điều 15 và 57 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên và ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa về việc áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự trong vụ án:

Quá trình cấp cứu và điều trị, chị Nguyễn Thị Đ và chị Bùi Thị Y chi phí điều trị hết 43.000.000 đồng. Số tiền này được chị Nguyễn Thị L (là con gái của bị cáo T) đã tự nguyện trả số tiền trên. Chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị L và chị Bùi Thị Y đều không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Những vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy gồm: 01 dao phay, phòng bì ký hiệu N1, T1, T2, T3, T4, T5, T6, hộp bìa ký hiệu H, phong bì ký hiệu MĐ, MY.

- Đối với 01 Điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280, không liên quan tội phạm trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] ***Về tội danh***:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội ***"Giết người"***.

[2] ***Về hình phạt***:

Áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38; Điều 57 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 09 (*chín*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2018.

[3] ***Về trách nhiệm dân sự***: Không xem xét giải quyết.

[4] ***Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp***: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 dao phay, phong bì ký hiệu N1, T1, T2, T3, T4, T5, T6; hộp bìa ký hiệu H, phong bì ký hiệu MĐ, MY.
- Trả bị cáo Nguyễn Văn T 01 Điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280 mầu đen có số IMCI: 355394/04/983532/3.

(Số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 01/QĐ-KSV-P2 ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên).

[5] ***Về án phí***: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

[6] ***Về quyền kháng cáo***: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Biểu

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- PC45- CA tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan hồ sơ NVCS-CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA; Tòa Hình sự; VPCQ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- PC45- CA tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan hồ sơ NVCS-CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA; Tòa Hình sự; VPCQ./.

Nguyễn Văn Biểu